HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /2022/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 19 tháng 4 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ TƯ
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổvốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ tư (kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- KTNN khu vực VII;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban, cac đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Cổng TTĐT tỉnh, Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Nghị quyết số 03 /2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (sau đây viết tắt là các cơ quan cấp tỉnh); các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là cấp huyện); các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn ngân sách để thực hiện Chương trình.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thẩm định, giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; đẩy mạnh thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan cấp tỉnh và các cấp chính quyền, đơn vị cơ sở.

3. Bố trí vốn có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện từng nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình; đồng thời phải lồng ghép với các chương trình, đề án đang triển khai thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025

a) Phân bổ tổng mức vốn thực hiện từng dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình. Trường hợp Trung ương giao cho tỉnhchitiết đến từng dự án, tiểu dự án thành phần thì tỉnh phân bổ vốn theo đúng số Trung ương giao. Trường hợp Trung ương chỉ giao tổng vốn thực hiện Chương trình thì Ủy ban nhân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ đến từng dự án, tiểu dự án thành phần.

b) Việc phân bổ vốn ở cấp huyện đảm bảo nguyên tắc, cách thức phân bổ tương ứng việc phân bổ ở cấp tỉnh cho từng tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình.

c) Việc phân bổ vốn đến các dự án đầu tư, nộidung hỗ trợ thuộc địa bàn thôn của mỗi xã tùy theo điều kiện, nhu cầu thực tế để bố trí phù hợp đối tượng được thụ hưởng và đối tượng cần được ưu tiên đảm bảo phát huy hiệu quả, không dàn trải, chia đều bình quân.

5. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phảiphù hợp với kế hoạch trung hạn và khả năng cân đốingân sách hằng năm. Ưu tiên bố trí vốn tiếp tục thực hiện các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các xã nghèo; các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; hộ nghèo và đối tượng đặc thù theo quy định hiện hành.

6. Kế hoạch vốn được giao hằng năm của các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện mà không sử dụng hết do chấm tiến độ sẽ được điều chuyển cho đơn vị, địa phương khác thực hiện tốt hơn. Đơn vị, địa phương bị điều chỉnh giảm vốn trong năm sẽ không được giao bù vào những năm sau.

Điều 4. Căn cứ xác định các tiêu chí phân bổ vốn

1. Danh sách các xã khu vực III, khu vực II và khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Danh sách thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK) theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Thôn đặc biệt khó khăn có dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 – 2025; các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Xã biên giới theo danh sách xã vùng biên giới đất liền theo Nghị định 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Tỷ lệ hộ nghèo được xác định theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 – 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

6. Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống căn cứ số liệu thống kê báo cáo thực trạng năm 2020 của cấp có thẩm quyền.

7. Số lượng thực tế (ký hiệu là a, b, c, d, đ, e, g, …) trong bảng biểu tính điểm của từng dự án, tiểu dự án căn cứ số liệu, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của cấp huyện được các sở, ngành rà soát, thẩm định theo quy định. Ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao danh mục chuẩn bị đầu tư, đã đề xuất với trung ương trong quá trình lập báo cáo khả thi Chương trình, sau đó bố trí cho các dự án còn lại.

Điều 5. Phương pháp tính, xác định phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị, địa phương

Vốn phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố; từng xã (đối với tiểu dự án có phân bổ đến cấp xã) thực hiện nội dung dự án, tiểu dự án được tính theo công thức: **Vi = (Di/D)** x **V**, trong đó:

Vi là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện, xã thứ i;

Di là tổng cộng số điểm của cấp huyện, xã thứ i;

D là tổng số điểm các tiêu chí của tất cả các huyện trong toàn tỉnh;

V là tổng số vốn ngân sách trung ương thực hiện nội dung dự án, tiểu dự án toàn tỉnh.

Điều 6. Tỷ lệ, cách thức bố trí, phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và hằng năm tối thiểu bằng 10% tổng vốn ngân sách trung ương giao cho địa phương để thực hiện Chương trình.

2. Việc phân bổ vốn đốiứng của ngân sách tỉnh: Ưu tiên lồng ghép cho từng dự án, nhiệm vụ, nội dung cụ thể mà ngân sách trung ương đã bố trí nhưng còn thiếu so với nhu cầu , phần còn lại bố trí các dự án, nộidung theo nhu cầu thiết thực nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

3. Việc bố trí, phân bổ vốn ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình: Ưu tiên lồng ghép cho từng dự án, nhiệm vụ, nội dung cụ thể mà ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh đã bố trí nhưng còn thiếu vốn để hoàn thành theo quy định tại các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về chính sách đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 39/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 ban hành quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu thực

hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017- 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Dự án 1 - Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Vốn đầu tư:

a) Phân bổ 100% vốn đầu tư thực hiện dự án cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất			
	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
2	Cấp nước sinh hoạt tập trung			
	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	100	a	100 x a
	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổvốn không quá 4 thôn/xã*)	15	b	15 x b
	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	10	c	10 x c
	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	d	0,3 x d
	Tổng cộng điểm			Di

2. Vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ 100% vốn sự nghiệp thực hiện dự án cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đất sản xuất			
	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	b	0,1 x b
2	Hỗ trợ cấp nước sinh hoạt phân tán			
	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	c	0,03 x c
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 8. Dự án 2 - Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. Vốn đầu tư:

a) Phân bổ 100% vốn đầu tư thực hiện dự án cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ dân được hỗ trợ sắp xếp dân cư tập trung	3	a	3 x a
2	Cứ 1 hộ dân được hỗ trợ nhà ở khi sắp xếp xen ghép	0,4	b	0,4 x b
	Tổng cộng điểm			Di

2. Vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho cấp huyện thực hiện nội dung hỗ trợ sắp xếp dân cư tập trung và hỗ trợ nhà ở khi sắp xếp dân cư.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ dân được hỗ trợ sắp xếp xen ghép	0,6	a	0,6 x a
2	Cứ 1 hộ dân được hỗ trợ di chuyển khi sắp xếp dân cư	0,05	b	0,05 x b
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 9. Dự án 3 - Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1Vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Phân bổ tối đa 75% tổng vốn thực hiện tiểu dự án cho các cơ quan cấp tỉnh để thực hiện các nội dung: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung; hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ; tối thiểu 25% tổng số vốn cho cấp huyện để thực hiện nội dung hỗ trợ bảo vệ rừng.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 x b
	Tổng cộng điểm			Di

2. Vốn đầu tư của Tiểu dự án 2: Phân bổ 100% vốn đầu tư của Tiểu dự án 2 cho các cơ quan cấp tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý.

3. Vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Phân bổ tối đa 15% tổng số vốn cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có hoạt động sản xuất phạm vi liên huyện; tối thiểu 85% tổng số vốn cho cấp huyện.

Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
I	Nhóm tiêu chí cơ bản:			
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổvốn không quá 4 thôn/xã; không tính cho thôn đã hưởng chính sách tại dự án 9 của Chương trình*)	5	b	5 x b
II	Nhóm tiêu chí ưu tiên:			
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	2	a	10 x a
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	b	0,15 x b
	Tổng cộng điểm			Di

b) Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Phân bổ 100% vốn cho các cơ quan cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có thực hiện dự án trồng dược liệu quý.

c) Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phân bổ tối đa 50% vốn cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
I	Nhóm tiêu chí cơ bản			
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổvốn không quá 4 thôn/xã*)	5	b	5 x b

II	Nhóm tiêu chí ưu tiên			
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	2	a	2 x a
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	b	0,15 x b
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 10. Dự án 4 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

1. Vốn đầu tư thực hiện Tiểu dự án 1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bao dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Đầu tư lĩnh vực công trình đường đến trung tâm xã, chợ, trạm y tế xã: Phân bổ 100% vốn cho cấp huyện.

Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa (*mặt đường tối thiểu 3,5m*). Mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 1.600 triệu đồng/km	16	a	16 x a
2	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	b	44 x b
3	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	c	8 x c
4	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	d	40 x d
5	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	e	8 x e
	Tổng cộng điểm			Di

b) Đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu xã khu vực III, thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III: Phân bổ 100% vốn cho cấp huyện.

Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
I	Nhóm tiêu chí cơ bản			
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổvốn không quá 4 thôn/xã; không tính cho thôn đã hưởng chính sách tại dự án 9 của Chương trình*)	15	b	15 x b
II	Nhóm tiêu chí ưu tiên			
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	10	a	10 x a

2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	b	0,3 x b
	Tổng cộng điểm			Di

2. Vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ 100% vốn thực hiện cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, định mức, phương pháp phân bổ vốn:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
I	Nhóm tiêu chí cơ bản			
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã; không tính cho thôn đã hưởng chính sách tại dự án 9 của Chương trình*)	1,8	b	1,8 x b
II	Nhóm tiêu chí ưu tiên			
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã biên giới	1	a	1 x a
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 11. Dự án 5 - Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1 - Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

a) Vốn đầu tư: Phân bổ tối đa 10% tổng vốn thực hiện dự án cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho cấp huyện.

Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng dự án	Tổng số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư phần ngân sách trung ương bố trí đến 100 triệu đồng được tính 1 điểm	1	a	1 x a
	Tổng cộng điểm			Di

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo 100% tổng số vốn thực hiện Tiểu dự án 1 để mua sắm trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú; thực hiện xóa mù chữ cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

2. Tiểu dự án 2 - Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

a) Phân bổ tối đa 80% tổng vốn thực hiện cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 20% tổng vốn cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng điểm			Di

3. Tiểu dự án 3 - Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Phân bổ tối đa 60% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 40% tổng vốn cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm			Di

4. Tiểu dự án 4 - Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:

a) Phân bổ tối đa 50% tổng vốn thực hiện cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)*	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 12. Dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1. Vốn đầu tư

a) Phân bổ tối đa 60% tổng vốn đầu tư cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 40% tổng vốn cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	a	60 x a
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2	b	2 x b
	Tổng cộng điểm			Di

2. Vốn sự nghiệp

a) Phân bổ tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp cho cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận.	0,6	a	0,6 x a
2	Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	b	10 x b
3	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	c	3 x c
4	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	0,3	d	0,3 x d
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 13. Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Vốn đầu tư: Phân bổ vốn cho cấp huyện 100% tổng vốn thực hiện dự án để đầu tư dự án trung tâm y tế cấp huyện (theo nhiệm vụ trung ương giao, nếu có).

2. Vốn sự nghiệp

a) Phân bổ tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp thực hiện dự án cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b

3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 14. Dự án 8 - Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

1. Phân bổ tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp thực hiện dự án cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã ngoài khu vực III)*	2	b	2 x b
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 15. Dự án 9 - Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

1. Tiểu dự án 1 - Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù:

a) Vốn đầu tư: Phân bổ 100% cho cấp huyện.

Tiêu chí, hệ số phân bổ:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK có dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	82	a	82 x a
	Tổng cộng điểm			Di

b). Vốn sự nghiệp: Phân bổ tối đa 10% cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho cấp huyện.

Hệ số, tiêu chí phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	19	b	19 x b
	Tổng cộng điểm			Di

2. Tiểu dự án 2 - Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện (*tính không quá 20% tổng số xã khu vực III, khu vực II của huyện*)	2	đ	2 x đ
	Tổng cộng điểm			Di

Điều 16. Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình

1. Vốn đầu tư thực hiện Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phân bổ 100% cho các cơ quan cấp tỉnh.

2. Vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 - Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030:

a) Phân bổ tối đa 70% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 30% vốn cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng điểm			Di

3. Vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ tối đa 50% tổng vốn thực hiện cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% vốn cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổvốn không quá 4 thôn/xã)*	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			Di

4. Vốn sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Phân bổ tối đa 70% tổng vốn thực hiện cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 30% vốn cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm			Di